TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 342 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 7 - 2022
"V/v: Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến Lợi**; bà **Nguyễn Thị Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hòa -** Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 179/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/4/2022 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/7/2022

1. Nguyên Đơn: Chị Vũ Thị T1 – sinh năm 1990. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trịnh Viết T2 – sinh năm 1988. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đều ĐKHKTT: Thôn VA, xã TT, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Vũ Thị T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trịnh Viết T2 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 30/01/2009 tại Uỷ ban nhân dân xã HVT, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2020, lúc đó ở ĐN thì xảy ra mâu thuẫn trong vấn đề tình cảm, sau đó chị và anh T2 sống ly thân. Chị đưa các con về nhà bố mẹ chồng ở thôn VA, xã TT, huyện Chương Mỹ ở, còn chị ra ngoài thuê nhà gần đó để làm quán Spa; còn anh T2 không về nhà vẫn ở lại ĐN, vì anh T2 đi làm thuê nên chị không biết rõ anh T2 đang sinh sống ở địa chỉ chính

xác nào. Anh T2 thường xuyên liên lạc về cho bố mẹ chồng là ông Trịnh Viết Q và bà Nguyễn Thị H, nhưng không liên lạc gì với chị.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai bên bất đồng về quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, không còn quan tâm tới nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị với anh T2 để chị ổn định cuộc sống, yên tâm nuôi con.

Về con chung: Chị và anh T2 có 03 con chung gồm: Trịnh Viết NA, sinh ngày 03/10/2009; Trịnh Viết Đông D, sinh ngày 23/10/2011 và Trịnh Vũ Phương T3, sinh ngày 07/12/2019. Cả ba con chung đều đang sống cùng với ông bà nội của các cháu.

Trường hợp ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cháu Trịnh Vũ Phương T3 còn cháu Trịnh Viết NA và Trịnh Viết Đông D giao cho anh T2 nuôi. Chị không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ông Trịnh Viết Q – bố đẻ anh T2 trình bày:** Anh T2 vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã TT, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, hiện tại anh T2 đang đi làm tại xã TP, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai nhưng do anh T2 làm nghề cơ khí, chỗ ở không cố định nên ông không biết rõ địa chỉ chính xác. Anh T2 vẫn thường xuyên gọi điện về gia đình để hỏi thăm bố mẹ và các con. Ông xác nhận đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 179/2022/TB-TLVA ngày 21/4/2022 về việc ly hôn giữa anh T2 và chị T1 qua đường bưu điện. Ông không biết rõ được mâu thuẫn giữa chị T1 và anh T2. Ông chỉ biết vợ chồng anh T2 và chị T1 vào ĐN làm ăn từ năm 2016, đến tháng 6 năm 2021 ông thấy chị T1 đưa cả ba con chung về nhưng anh T2 vẫn ở trong ĐN không về.

Quan điểm của ông về việc chị T1 có đơn ly hôn anh T2: Ông muốn vợ chồng anh chị đoàn tụ để nuôi dạy cả ba con chung nhưng nếu chị T1 vẫn quyết định ly hôn thì ông không có ý kiến gì vì đây là cuộc sống riêng của hai vợ chồng. Vợ chồng anh T2 và chị T1 có 03 con chung là: Trịnh Viết NA, sinh ngày 03/10/2009; Trịnh Viết Đông D, sinh ngày 23/10/2011 và Trịnh Vũ Phương T3, sinh ngày 07/12/2019. Hiện cả ba cháu đang ở cùng ông. Trường hợp chị T1 ly hôn anh T2 thì việc giải quyết con chung tuỳ thuộc anh T2 và chị T1.

Ngoài ra, ông cũng nhận trách nhiệm nhận các văn bản tố tụng của Toà án về việc ly hôn giữa anh T2 và chị T1 sau đó sẽ thông báo cho anh T2 biết.

*** Nguyện vọng của các con chung:** Cháu Trịnh Viết NA và Trịnh Viết

Đông D muốn ở với bố là anh Trịnh Viết T2.

*** Do anh Trịnh Viết T2 vắng mặt tại nơi cư trú do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật.**

*** Bị đơn – anh Trịnh Viết T2 trình bày tại đơn gửi Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ ngày 12/7/2022:**

Hiện anh đang làm ăn và sinh sống tại Ấp X, AV, TB, ĐN. Anh đã được gia đình anh thông báo về việc chị T1 có đơn xin ly hôn với anh và được thông báo về phiên hòa giải vào sáng ngày 11.7.2022 nhưng do ở xa nên không về kịp. Anh có quan điểm như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2009. Hiện tại chị T1 có đơn xin ly hôn thì anh T2 đồng ý vì xác định hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Chị và anh T2 có 03 con chung gồm: Trịnh Viết NA, sinh ngày 03/10/2009; Trịnh Viết Đông D, sinh ngày 23/10/2011 và Trịnh Vũ Phương T3, sinh ngày 07/12/2019. Trường hợp ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi cả ba con chung. Anh T2 không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T2 có ý kiến do đi làm ăn xa và phải vào ĐN để lo công việc ngay, không có thời gian ở lại lâu được nên không thể tham gia việc giải quyết vụ án tại Tòa án được. Anh có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn - chị T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đề nghị được nuôi cháu Trịnh Vũ Phương T3 sau khi ly hôn; đồng ý để anh T2 nuôi hai cháu Trịnh Viết Nhật Anh và Trịnh Viết Đông Đăng. Không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ.

+ Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho chị T1 được ly hôn anh T2. Về con chung: Đề nghị giao cháu Trịnh Vũ Phương T3 cho chị T1; giao cháu Trịnh

Viết NA và Trịnh Viết Đông D cho anh T2 chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác; Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị xem xét. Chị T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền: Chị Vũ Thị T1 có đơn khởi kiện đối với anh Trịnh Viết T2 về việc xin ly hôn, nuôi con nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn – Anh Trịnh Viết T2 hiện có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã TT, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của Bị đơn – Anh Trịnh Viết T2: Anh T2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T2.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T1 và anh Trịnh Viết T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/01/2009 tại Uỷ ban nhân dân xã HVT, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn giữa chị T1 và anh T2 thì thấy: Chị T1 cho rằng vợ chồng nhiều mẫu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần và vợ chồng không còn quan hệ tình cảm. Anh T2 cũng thừa nhận vợ chồng mẫu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tình cảm và cũng đồng ý ly hôn. Tòa án đã kiên trì hòa giải, nhưng anh T2 lại không đến hòa giải, khắc phục quan hệ hôn nhân, trong khi chị T1 vẫn kiên quyết xin ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng chị T1 và anh T2 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị T1 được ly hôn với anh T2 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Về con chung: Chị T1 và anh T2 có ba con chung là Trịnh Viết NA, sinh ngày 03/10/2009; Trịnh Viết Đông D, sinh ngày 23/10/2011 và Trịnh Vũ Phương T3, sinh ngày 07/12/2019.

Xét nguyện vọng nuôi con chung sau khi ly hôn thì thấy: Chị T1 có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Trịnh Vũ Phương T3, anh T2 có nguyện vọng nuôi cả ba con chung, xong cũng tôn trọng nguyện vọng của các con. Cháu Trịnh Viết NA và Trịnh Viết Đông D có nguyện vọng muốn ở với bố là anh Trịnh Viết T2; để ổn định cuộc sống và theo nguyện vọng của các con chung, anh T2 muốn nuôi cả ba con nhưng cũng đi làm ăn xa nên không có điều kiện cũng như thời gian bên con nên giao cháu Trịnh Vũ Phương T3 cho chị T1; giao cháu Trịnh Viết NA và Trịnh Viết Đông D cho anh T2 được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hợp lý.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị T1 và anh T2 đều không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T1, anh T2 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T1 và anh T2 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Vũ Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chị Vũ Thị T1được ly hôn với anh Trịnh Viết T2.

2. Về con chung: Chị Vũ Thị T1 và anh Trịnh Viết T2 có ba con chung là Trịnh Viết NA, sinh ngày 03/10/2009; Trịnh Viết Đông D sinh ngày 23/10/2011 và Trịnh Vũ Phương T3, sinh ngày 07/12/2019.

Giao cháu Trịnh Vũ T3 cho chị Vũ Thị T1; giao cháu Trịnh Viết NA và Trịnh Viết Đông D cho anh Trịnh Viết T2 được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác;

Chị Vũ Thị T1 và anh Trịnh Viết T2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở;

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T1 và anh T2 đều không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T1, anh T2 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị T1 phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được đối trừ với 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí chị T1 đã nộp theo "Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số AA/2020/0075837 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ ngày 21/4/2022.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hà **Phạm Tiến Lợi** **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã Hoàng Văn Thụ (Số 06/2009);
- Lưu: Hồ sơ /V.phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Mai